

Bản án số: 286/2023/HS-PT
Ngày 29-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

Ông Trương Công Huân

Ông Vũ Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 230/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Hữu N, Trần Hoàng P, Nguyễn Hồng P1, Trần Văn B, Lê Hữu H, Lê Văn H1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phát L, Cao Minh N1 và Phạm Văn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 104/2023/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Hữu N, sinh năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: C16/23 ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 60 đường số I, Khu dân cư T, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn T1 và bà Đỗ Kim A; Bị cáo có vợ tên Cao Thị Hồng T2 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn M, sinh năm 1976, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: D N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn K và bà Cao Thị T3; Bị cáo có vợ tên Hồ Hòa H2 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 30/8/2008, bị Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép”, theo Quyết định số 10773. Đóng phạt ngày 10/9/2008.

- Ngày 11/6/2009, bị Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 350.000 đồng về hành vi “Tụ tập đông người gây mất an ninh trật tự”, theo Quyết định số 14306. Đóng phạt ngày 12/6/2009.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. Trần Hoàng P, sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 103 tổ C, ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Hoàng P2 và bà Đỗ Thị Kim N2; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Hồng P1, sinh năm 1991 tại Long An; Thường trú: C16/8 tổ B, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hồng N3 và bà Nguyễn Thị Thu N4; Bị cáo có vợ tên Võ Kiều T4, có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/9/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 286/2011/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/8/2012 (đã hết thời hiệu thi hành án về dân sự).

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

5. Lê Hữu H, sinh năm 1956 tại An Giang; Thường trú: F C, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: A M, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn P3 (đã chết) và bà Nhan Kim N5 (đã chết); Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H3 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1979, con nhỏ nhất sinh năm 1982; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/01/2004, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Đánh bạc”, theo Bản án số 70/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2005, theo Công văn số

1937/PC11A-Đ1 ngày 22/8/2022 của Trại tạm giam Chí H4; đóng án phí ngày 30/11/2004 theo Công văn số 1655/CCTHADS ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

6. Lê Văn H1, sinh năm 1958 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 728/20/7 P, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn H5 (đã chết) và bà Âu Thị Q (đã chết); Bị cáo có vợ tên Trần Thị G và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 17/8/2017, bị Công an xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép”, theo Quyết định số 7460/QĐ-XPHC. Đóng phạt ngày 11/10/2017.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

7. Trần Văn B, sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số H, ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn H6 và bà Nguyễn Thị T5; Bị cáo có vợ tên Mai Thị Mỹ H7, có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2018 (tại phiên tòa bị cáo khai có 03 người con); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

8. Nguyễn Thanh S, sinh năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: C19/12 ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn L1; và bà Phạm Thị Đ; Bị cáo có vợ tên Lê Thị Hồng N6 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

9. Phạm Văn T, sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: C19/10 tổ B, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn N7 và bà Nguyễn Thị T6 (đã chết); Bị cáo có vợ tên Trần Thị Thùy T7 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

10. Nguyễn Văn C, sinh năm 1975 tại tỉnh Tiền Giang; Thường trú: Ấp D, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T8 (đã chết và bà Phạm Thị N8 (đã chết); Bị cáo có vợ tên Phan Hữu D và có 01 người con sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

11. Cao Minh N1, sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: D N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: C, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Phụ bếp; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Cao Minh C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim C2; Bị cáo có vợ tên Dương Thị Ngọc M1 và có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

12. Nguyễn Phát L, sinh năm 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 102 ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T9 và bà Nguyễn Thị Á; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc T10 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa:*

1. Luật sư Nguyễn Ngọc L2 làm việc tại Văn phòng L5 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Cao Minh N1 (Có mặt tại phiên tòa).

2. Luật sư Lê Thị Ánh T11 làm việc tại Công ty L6 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Phát L và Trần Văn B (Có mặt tại phiên tòa).

3. Luật sư Lê Kim D1 làm việc tại Văn phòng L7 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C (Có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo Nguyễn Văn N9, Lê Tấn T12, Trần Văn T13, Võ Thành Đ1, Nguyễn Huỳnh Minh T14 cùng bị Tòa án sơ thẩm xử phạt về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N9 là người đứng ra tổ chức cho người khác đá gà ăn tiền để thu tiền xâu tại bãi đất trống thuộc tổ B ấp E, xã B, huyện B. Nguyễn Văn N9 rủ thêm Lê Tấn T12, Võ Thành Đ1, Trần Văn T13 và Nguyễn Huỳnh Minh T14 cùng tham gia tổ chức đá gà để lấy tiền xâu chia nhau tiêu xài, tất cả đồng ý. Theo đó, N9 là người tổ chức và làm trọng tài; T12, Đ1, T13 và T14 làm biện, ngoài ra T13 còn được phân công thêm nhiệm vụ giữ tiền xâu đến cuối ngày đưa lại cho N9 và Đ1 cũng được phân công thêm nhiệm vụ thả gà khi chủ gà yêu cầu. Hàng ngày, N9 và Đ1 chuẩn bị băng keo, cân điện tử, nước uống phục vụ cho việc đá gà tại bãi đất trống thuộc tổ B ấp E, xã B, huyện B để phục vụ cho các đối tượng chơi đá gà ăn tiền. Ngân quy định mỗi độ gà sẽ thu tiền xâu của bên thắng là 10% số tiền đá trong sổ và 5% đá giao hữu và hàng xáo. Mỗi ngày, N9 cùng đồng phạm tổ chức được từ 05 đến 06 độ gà. Tiền xâu thu được trong ngày N9 lấy 6 phần, biện gà lấy 4 phần.

Vào lúc 13 giờ 10 phút ngày 15/01/2022, Công an xã B, huyện B tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Nguyễn Văn N9, Lê Tấn T12, Võ Thành Đ1, Trần Văn T13 và Nguyễn Huỳnh Minh T14 đang tổ chức cho Trần Hữu N, Trần Văn B, Nguyễn Hồng P1, Nguyễn Văn M, Lê Hữu H, Lê Văn H1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phát L và Trương Văn H8 cùng các đối tượng khác tham gia đá gà ăn tiền tại bãi đất trống thuộc tổ B ấp E, xã B, huyện B, thu giữ tại hiện trường số tiền 101.610.000 đồng, 02 con gà đang băng cựa và các vật chứng khác phục vụ cho việc đá gà. Do đó Công an tiến hành lập Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và đã đưa tất cả các đối tượng có mặt tại trường gà về trụ sở làm việc, lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B điều tra xử lý.

Qua kết quả điều tra đã xác định hành từ khi hoạt động đến ngày bị bắt thì N9 đã thu lợi bất chính được khoảng hơn 40.000.000 đồng. Trong ngày 15/01/2022, N9 cùng đồng phạm đã tổ chức được 05 độ gà thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang, cụ thể như sau:

1. Độ gà thứ nhất: Giữa gà nòi chân xanh với gà nòi chân trắng, cấp đá đồng trong sổ 3.000.000 đồng và giao hữu 1.000.000 đồng nên tổng số tiền mà 02 bên dùng để đánh bạc là: 8.000.000 đồng (tính theo tinh thần Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao). Kết quả độ này gà nòi chân trắng thắng và nhóm tổ chức cho các con bạc đá gà đã thu 1.000.000 đồng tiền xâu, nhưng không xác định được rõ lai lịch của chủ gà và người tham gia của hai bên.

2. Độ gà thứ hai: Giữa gà tre que với gà tre điều, cấp đá đồng trong sổ 3.000.000 đồng và giao hữu 1.000.000 đồng. Kết quả gà tre que thắng và nhóm tổ chức thu tiền xâu tổng cộng 1.700.000 đồng. Các con bạc tham gia gồm:

- Bên gà tre que: Không rõ lai lịch của chủ gà và người tham gia.
- Bên gà tre điều:

+ Chủ gà: Nguyễn Văn M đá sỏ 3.000.000 đồng. Trương Văn H8 là người băng cựa và thả gà cho M.

+ Giao hữu: Nguyễn Văn M tham gia 10.000.000 đồng thông qua biện Trần Văn T13 và thêm 11.000.000 đồng thông qua biện Lê Tấn T12. Võ Thành Đ1 làm biện cấp chủ gà tre que đá đồng số tiền 4.000.000 đồng với 01 thanh niên chưa xác định bắt gà tre điều.

+ Hàng xáo: T13 làm biện cho 01 thanh niên không rõ lai lịch bắt gà tre điều đá ăn 9 số tiền 4.000.000 đồng với chủ gà tre que. Lê Văn H1 bắt gà tre que đá đồng 1.000.000 đồng với 01 thanh niên chưa rõ lai lịch không thông qua biện.

Như vậy, tổng số tiền mà các con bạc đã đánh bạc trong độ này (tính theo tinh thần Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao) là:

+ Nguyễn Văn M và Trương Văn H8 là: 50.000.000 đồng (gồm: 6.000.000 đồng trong sỏ + 2.000.000 đồng giao hữu + 20.000.000 đồng giao hữu qua biện Tráng + 22.000.000 đồng giao hữu qua biện T12).

+ Lê Văn H1 là: 2.000.000 đồng (gồm 1.000.000 đồng gà tre que + 1.000.000 đồng bên gà tre điều).

3. Độ gà thứ ba: Giữa gà điều vàng với gà bướm trắng, cấp đá đồng trong sỏ 3.000.000 đồng và giao hữu 1.000.000 đồng. Kết quả gà bướm trắng thắng. Nhóm tổ chức thu tiền xâu tổng cộng 1.200.000 đồng. Các con bạc tham gia gồm:

- Bên gà điều vàng: Không rõ lai lịch của chủ gà và các con bạc tham gia.

- Bên gà bướm trắng:

+ Chủ gà Trần Hữu N tham gia trong sỏ 3.000.000 đồng và giao hữu 1.000.000 đồng. Sau đó, N tham gia giao hữu thêm 2.000.000 đồng. Nguyễn Hồng P1 là người băng cựa và thả gà cho N.

+ Đá hàng xáo thông qua biện: Lê Tấn T12 làm biện cho: Lê Minh Đ2 bắt gà bướm trắng đá đồng số tiền 1.000.000 đồng với 01 thanh niên không rõ lai lịch; Nguyễn Huỳnh Minh T14 bắt gà bướm trắng đá đồng số tiền 2.000.000 đồng với 01 thanh niên không rõ lai lịch và Trần Văn T13 làm biện cấp độ 8.000.000 đồng cho 02 nhóm thanh niên không rõ lai lịch.

+ Đá hàng xáo không thông qua biện: Lê Văn H1 bắt gà điều vàng đá đồng số tiền 1.000.000 đồng với 01 thanh niên không rõ lai lịch. Trương Văn H8 bắt gà điều vàng đá ăn 5 với số tiền 1.000.000 đồng với 01 thanh niên không rõ lai lịch. Vũ Hoàng Gia Thiên Ý và Nguyễn Văn T15 mỗi người hùn 500.000 đồng bắt gà điều vàng đá ăn 8 với 01 thanh niên không rõ lai lịch.

Như vậy, tổng số tiền mà các con bạc đã đánh bạc trong độ này (tính theo tinh thần Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao) là:

+ Trần Hữu Nghĩa là: 12.000.000 đồng (gồm: 3.000.000 đồng trong sổ + 3.000.000 đồng giao hữu của N tham gia bên gà bướm trắng + 6.000.000 đồng bên gà điều vàng);

+ Lê Minh Đ2 và Lê Văn H1 là: 2.000.000 đồng (gồm: 1.000.000 đồng tham gia + 1.000.000 đồng của gà đối xứng);

+ Nguyễn Huỳnh Minh T14 là: 4.000.000 đồng (gồm: 2.000.000 đồng của T14 tham gia + 2.000.000 đồng bên gà đối xứng);

+ Trương Văn H8 là: 1.500.000 đồng (gồm 1.000.000 đồng bắt gà điều vàng + 500.000 đồng bên gà bướm trắng);

+ Vũ Hoàng Gia Thiên Ý và Nguyễn Văn T15 là: 1.800.000 đồng (gồm 1.000.000 đồng bắt gà điều vàng + 800.000 đồng bên gà bướm trắng).

4. Độ gà thứ tư: Giữa gà nòi xám với gà nòi trắng, cấp đá đồng trong sổ 3.000.000 đồng và giao hữu 2.000.000 đồng. Kết quả gà nòi bướm trắng thắng. Nhóm tổ chức thu tiền xâu tổng cộng 1.850.000 đồng, nhưng không rõ lai lịch chủ gà và người tham gia đá trong sổ.

- Đá hàng xáo thông qua biện Lê Tấn T12 cấp độ 16.000.000 đồng gồm:

+ Bên gà nòi trắng gồm: Nguyễn Văn M tham gia 10.000.000 đồng, 01 thanh niên không rõ lai lịch tham gia 6.000.000 đồng đá ăn đủ thua 9.

+ Bên gà nòi xám gồm: Lê Văn H1 tham gia 5.000.000 đồng, Lê Hữu H tham gia 4.000.000 đồng và 02 thanh niên không rõ lai lịch tham gia 7.000.000 đồng.

- Ngoài ra, Nguyễn Huỳnh Minh T14 làm biện cấp độ 3.000.000 đồng cho 02 thanh niên không rõ lai lịch.

- Trần Văn T13 làm biện riêng lẻ gồm:

Bên gà nòi trắng: L (không rõ lai lịch) tham gia 5.000.000 đồng, Nguyễn Văn C tham gia 3.000.000 đồng ăn đủ thua 9 rồi chia lại cho Cao Minh N1 tham gia 300.000 đồng; Phạm Văn T tham gia 2.000.000 đồng ăn đủ thua 9 rồi chia lại cho Nguyễn Thanh H9 ké Tân 1.000.000 đồng.

Bên gà nòi xám: Không rõ lai lịch của các con bạc tham gia.

- Đá hàng xáo không thông qua biện gồm:

Nguyễn Thanh S bắt gà nòi trắng chấp ăn 2 số tiền 3.000.000 đồng với Phạm Văn T. Nguyễn Thanh S bắt gà nòi trắng đá đồng số tiền 1.000.000 đồng với Hồ Trung N10. G1 bắt gà nòi xám chấp ăn 8 với số tiền 1.000.000 đồng với

Hồ Trung N10. Dương Hữu T16 bắt gà nòi xám đá đồng số tiền 500.000 đồng với Nguyễn Ngọc S1. Trịnh Can T17 và Nguyễn Minh H10 mỗi người hùn 500.000 đồng bắt gà nòi xám đá đồng với 01 thanh niên không rõ lai lịch. Trần Hồng H11 bắt gà nòi trắng đá đồng số tiền 1.000.000 đồng với 01 thanh niên không rõ lai lịch. Nguyễn Đức H12 bắt gà nòi trắng đá đồng số tiền 1.000.000 đồng với 01 thanh niên không rõ lai lịch. Thiên Ý và Nguyễn Văn T15 mỗi người hùn 500.000 đồng bắt gà nòi xám đá đồng với 01 thanh niên không rõ lai lịch. Châu Văn T18 bắt gà nòi bướm trắng đá đồng số tiền 500.000 đồng với Trần Hữu N.

Như vậy, tổng số tiền mà các con bạc đánh bạc trong độ này (tính theo tinh thần Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao) là: Nguyễn Văn M 19.000.000 đồng; Lê Văn H1 9.500.000 đồng; Lê Hữu H 7.600.000 đồng; Nguyễn Văn C và Cao Minh N1 5.700.000 đồng; Nguyễn Thanh S 5.600.000 đồng; Phạm Văn T 7.400.000 đồng; Nguyễn Thanh H9 3.800.000 đồng; Giang Gia K1 và Hồ Trung N10 1.800.000 đồng; Dương Hữu T16, Nguyễn Ngọc S1, Châu Văn T18 và Trần Hữu N 1.000.000 đồng; Trịnh Can T17 và Nguyễn Minh H10 2.000.000 đồng; Trần Hồng H11, Nguyễn Đức H12, Vũ Hoàng Gia Thiên Ý và Nguyễn Văn T15 2.000.000 đồng.

5. Độ gà thứ năm (độ gà bị bắt quả tang): Giữa gà nòi trắng với gà nòi điều cấp đá đồng, trong số 3.000.000 đồng và giao hữu 1.000.000 đồng, chưa có kết quả thắng thua thì bị Công an bắt quả tang.

- Bên gà nòi trắng: Chủ gà là Trần Hoàng P đưa gà và số tiền 3.000.000 đồng cho Trần Văn B đem đến trường gà đá dùm P. Sau đó, B đem gà đến giao cho Nguyễn Phát L băng cựa và thả gà cho B và P. Trần Hoàng P tham gia 3.000.000 đồng trong số và B tham gia 1.000.000 đồng đá giao hữu.

- Bên gà nòi điều: Chủ gà là Trần Hữu N tham gia 3.000.000 đồng trong số và 1.000.000 đồng giao hữu, còn Nguyễn Hồng P1 là người băng cựa, thả gà cho N.

- Đá hàng xáo thông biện Lê Tấn T12 gồm:

Nguyễn Văn C tham gia 2.000.000 đồng đá ăn đủ, thua 6.5 với 01 thanh niên chưa rõ lai lịch. Vũ Hoàng Gia T19 tham gia 1.000.000 đồng đá ăn đủ thua 8 với 01 thanh niên chưa rõ lai lịch. Hai thanh niên chưa rõ lai lịch bắt gà nòi điều 4.000.000 đồng với nhóm con bạc bắt gà nòi trắng chưa rõ lai lịch. Lê Thành V và Nguyễn Hữu P4 mỗi người hùn 650.000 đồng bắt gà nòi điều ăn đủ thua 9 thông qua T12 nhưng chủ gà không cho chơi nên hủy kèo, V và P4 không tham gia được số tiền này. Nguyễn Văn N9 làm biện cấp độ cho Trần Văn P5 bắt gà nòi điều đá ăn đủ thua 7 với số tiền 1.000.000 đồng với 01 người không rõ lai lịch.

- Đá hàng xáo thông qua biện Nguyễn Huỳnh Minh T14 gồm:

+ Trần Văn B bắt gà nòi trắng chấp ăn 8 với số tiền 2.000.000 đồng với 01 người chưa rõ lai lịch.

+ Nguyễn Thanh H9 bắt gà nòi điều đá ăn đủ thua 6,5 với số tiền 500.000 đồng và Phạm Văn T bắt gà nòi điều đá ăn đủ thua 6,5 với số tiền 2.000.000 đồng ăn đủ thua 6,5. Tuy nhiên, T14 đang cấp độ nhưng chưa có con bạc nhận tham gia số tiền này thì bị Công an bắt quả tang.

- Đá hàng xáo không qua biện gồm: Châu Văn T20 bắt gà nòi trắng chấp ăn 8 với số tiền 500.000 đồng với Lâm Hoàng M2. Châu Văn T18 bắt gà nòi trắng ăn đủ, thua 5 với số tiền 1.000.000 đồng với một thanh niên không rõ lai lịch. Nguyễn Thanh T21 bắt gà nòi trắng chấp ăn 6,5 với số tiền 1.000.000 đồng với một thanh niên không rõ lai lịch. Lê Ngọc Duy H13 bắt gà nòi trắng đá đồng số tiền 1.000.000 đồng với Lê Hữu B1. Nguyễn Thanh S bắt gà nòi trắng đá đồng số tiền 500.000 đồng với Phạm Minh T22. Trần Cẩm V1 bắt gà nòi điều đá đồng số tiền 500.000 đồng với 01 thanh niên không rõ lai lịch. Trần Văn T23 bắt gà nòi trắng chấp ăn 7 với số tiền 500.000 đồng với Trần Hồng H11. G1 bắt gà nòi điều đá đồng số tiền 1.000.000 đồng với 01 thanh niên không rõ lai lịch. Nguyễn Ngọc S1 bắt gà nòi trắng đá đồng với số tiền 500.000 đồng với Dương Hữu T16. Trương Văn H8 bắt gà nòi điều chấp ăn 5 với số tiền 1.000.000 đồng với Nguyễn Văn C.

Như vậy, tổng số tiền mà các con bạc đánh bạc trong độ này (tính theo tinh thần Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao) là: Trần Hoàng P, Trần Hữu N 8.000.000 đồng; Trần Văn B 11.600.000 đồng; Nguyễn Văn C 4.800.000 đồng; Vũ Hoàng Gia T19 1.800.000 đồng; Trần Văn P5 1.700.000 đồng; Châu Văn T18 2.400.000 đồng; Lâm Hoàng M2 900.000 đồng; Nguyễn Thanh T21 1.650.000 đồng; Lê Ngọc Duy H13, Lê Hữu B1, Nguyễn Thanh S, Phạm Minh T22, Trần Cẩm V1, Nguyễn Ngọc S1, Dương Hữu T16 1.000.000 đồng; Trần Văn T23 850.000 đồng; Giang Gia K1 2.000.000 đồng và Trương Văn H8 là 1.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT - VKS ngày 17 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

- Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N9, Lê Tấn T12, Võ Thành Đ1, Trần Văn T13 và Nguyễn Huỳnh Minh T14 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn M và Trương Văn H8 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Truy tố các bị cáo Trần Hữu N, Trần Hoàng P, Nguyễn Hồng P1, Trần Văn B, Lê Hữu H, Lê Văn H1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phát

L, Cao Minh N1 và Phạm Văn T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại bản án số: 104/2023/HS-ST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Trương Văn H8, Trần Hữu N, Trần Hoàng P, Nguyễn Hồng P1, Trần Văn B, Lê Hữu H, Lê Văn H1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phát L, Cao Minh N1 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b Khoản 2, Khoản 3 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Hữu N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Văn B, Xử phạt bị cáo Trần Văn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Hoàng P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Hữu H 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Văn H1 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 01 (một) năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Phát L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Cao Minh N1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N9 03 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, các bị cáo Lê Tấn T12, Nguyễn Huỳnh Minh T14, mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Trần Văn T13, Võ Thành Đ1, mỗi bị cáo 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Trương Văn H8 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Đồng thời bản án sơ thẩm còn xử phạt bổ sung đối với các bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, bị cáo Nguyễn Hồng P1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Trần Hữu N, Lê Hữu H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thanh S có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, bị cáo Cao Minh N1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, bị cáo Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, các bị cáo Nguyễn Phát L, Trần Hoàng P, Lê Văn H1, Trần Văn B có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, bị cáo Phạm Văn T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã nêu trên, riêng 02 bị cáo Nguyễn Văn M và Nguyễn Hồng P1 xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo của các bị cáo:

+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn M tham gia 02 độ gà, thuộc trường hợp phạm tội từ 02 lần trở lên, trong đó độ gà thứ 02 có số tiền dùng đánh bạc là 50 triệu đồng, bị cáo có nhân thân xấu, nên bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán. Tuy nhiên, xét bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, chủ động khai nhận số tiền đánh bạc tại độ gà thứ 02, giúp cơ quan tố tụng sớm kết thúc vụ án nên đề nghị xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Do bị cáo cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù.

+ Đối với bị cáo Trần Hữu N phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên, bị cáo là chủ gà của độ gà thứ 3 và độ gà thứ 5; bị cáo Trần Hoàng P là chủ gà tại độ gà thứ 5 nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo N, P và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với 02 bị cáo N và P.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Hồng P1, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tái phạm là không phù hợp, bởi bị cáo đã chấp hành xong hình phạt năm 2012 và mặc dù bị cáo chưa chấp hành xong phần dân sự và án phí nhưng tính đến năm 2018, thời hiệu thi hành Bản án hình sự 286/2011/HSST ngày 23/9/2011 đã hết theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự nên căn cứ Điều 70 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Xét bị cáo là người giúp sức cho bị cáo N, có vai trò đồng phạm thứ yếu nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

+ Đối với các bị cáo Lê Hữu H, có nhân thân nhưng đã hết thời gian xóa án tích, còn Lê Văn H1 cũng bị xử phạt hành chính nhưng đã hết thời gian xem như chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Các bị cáo H và H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 và đã nộp lại số tiền phạt bổ sung của bản án sơ thẩm nên đề nghị chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm cho các bị cáo H và H1 được hưởng án treo.

+ Đối với các bị cáo Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Cao Minh N1, Phạm Văn T, Trần Văn B, Nguyễn Phát L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải và có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cho các bị cáo S,

C, N1, T, B, L được hưởng án treo.

Bị cáo M không tham gia tranh luận mà chỉ xin xem xét được giảm nhẹ nhất về hình phạt.

Bị cáo N, P1, P, H1, H, S, C, N1, T, B, L không tham gia tranh luận mà chỉ xin xem xét được hưởng án treo.

Luật sư Nguyễn Ngọc L2 bào chữa cho bị cáo Cao Minh N1 tranh luận: Luật sư thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát cho bị cáo Cao Minh N1 được hưởng án treo. Đồng thời, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bản thân bị cáo đánh bạc chỉ 3.000.000 đồng và cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; thái độ ăn năn hối cải; đã nộp lại số tiền 10.000.000 đồng hình phạt bổ sung của bản án sơ thẩm; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính đang nuôi con nhỏ theo b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Lê Thị Ánh T11 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Khắc L3 và Trần Văn B. Luật sư đồng ý với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm bị cáo L3 có 02 con nhỏ, trong đó con đầu bị khuyết tật bẩm sinh, mẹ già sinh năm 1954 có nhiều bệnh nền, còn bị cáo B cũng có hoàn cảnh khó khăn 03 con nhỏ, cha mẹ già yếu cần người nuôi dưỡng, cả hai bị cáo đã nộp lại số tiền phạt bổ sung của bản án sơ thẩm. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cho các bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Lê Kim D1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C trình bày: Luật sư thống nhất với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đánh bạc với vai trò đồng phạm hạn chế, số tiền đánh bạc không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo có nơi cư trú và công việc ổn định có xác nhận của chính quyền địa phương, có đơn bảo lãnh xin tại ngoại của vợ và chị ruột. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Kết thúc phần tranh luận, các bên đều bảo lưu quan điểm đã trình bày.

Tại lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được sai lầm của bản thân, ngoài bị cáo M xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về chăm sóc cha mẹ già; các bị cáo còn lại đều xin được hưởng án treo để tự cải tạo làm công dân tốt, đi làm nuôi gia đình và cống hiến cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra, cùng các chứng cứ, tài liệu thu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

[1.1] Nguyễn Văn N9 là người đứng ra tổ chức cho người khác đá gà ăn tiền để thu tiền xâu tại bãi đất trống thuộc tổ B ấp E, xã B, huyện B. N9 rủ thêm Lê Tấn T12, Võ Thành Đ1, Trần Văn T13 và Nguyễn Huỳnh Minh T14 cùng tham gia tổ chức đá gà để lấy tiền xâu chia nhau tiêu xài, tất cả đồng ý. Theo đó, N9 là người tổ chức và làm trọng tài; T12, Đ1, T13 và T14 làm biện, ngoài ra, T13 còn được phân công thêm nhiệm vụ giữ tiền xâu đến cuối ngày đưa lại cho N9 và Đ1 cũng được phân công thêm nhiệm vụ thả gà khi chủ gà yêu cầu. Hàng ngày, N9 và Đ1 chuẩn bị băng keo, cân điện tử, nước uống phục vụ cho việc đá gà tại bãi đất trống thuộc tổ B ấp E, xã B, huyện B để phục vụ cho các đối tượng chơi đá gà ăn tiền. Ngân quy định mỗi độ gà sẽ thu tiền xâu của bên thắng là 10% số tiền đá trong sổ và 5% đá giao hữu và hàng xáo. Mỗi ngày, N9 cùng đồng phạm tổ chức được từ 05 đến 06 độ gà. Tiền xâu thu được trong ngày N9 lấy 6 phần, các biện gà lấy 4 phần.

[1.2] Vào ngày 15/01/2021, tại bãi đất trống thuộc tổ B ấp E, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh các bị cáo Nguyễn Văn N9, Lê Tấn T12, Võ Thành Đ1, Trần Văn T13, Nguyễn Huỳnh Minh T14 đã có hành vi tổ chức cho các bị cáo Trần Hữu N, Trần Hoàng P, Nguyễn Hồng P1, Trần Văn B, Lê Hữu H, Lê Văn H1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phát L, Trương Văn H8, Cao Minh N1, Phạm Văn T đánh bạc bằng hình thức đá gà được thua bằng tiền để lấy tiền xâu thì bị phát hiện bắt quả tang vào lúc 13 giờ 10 phút cùng ngày (15/01/2021).

[1.3] Thời điểm Công an bắt quả tang các bị cáo tham gia đánh bạc gồm có: Trần Hữu N, Trần Hoàng P, Nguyễn Hồng P1, Trần Văn B, Lê Hữu H, Lê Văn H1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phát L, Trương Văn H8, Cao Minh N1 và Phạm Văn T đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đá gà ăn tiền với mỗi độ gà trên 5.000.000 đồng. Tổng số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc (tính theo tinh thần của Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao) trong ngày 15/01/2022 được xác định như sau:

[1.3.1] Bị cáo Nguyễn Văn M tham gia đá gà trong độ gà thứ 2 với số tiền dùng để đánh bạc được xác định là 50.000.000 đồng và trong độ thứ 4 với số tiền dùng để đánh bạc được xác định là 19.000.000 đồng. Trong độ gà thứ 2 bị cáo Trương Văn H8 là người băng cựa, thả gà giúp cho bị cáo M;

[1.3.2] Bị cáo Nguyễn Thanh S tham gia đá gà trong độ gà thứ 3 với số tiền dùng để đánh bạc được xác định là 5.600.000 đồng; bị cáo Trần Hữu N tham gia đá gà trong độ gà thứ 3 với số tiền đánh bạc được xác định là 12.000.000

đồng và trong độ gà thứ 5 là 8.000.000 đồng. Trong độ gà thứ 3 và thứ 5, bị cáo Nguyễn Hồng P1 là người băng cựa và thả gà giúp cho bị cáo N;

[1.3.3] Bị cáo Lê Văn H1, bị cáo Lê Hữu H, bị cáo Nguyễn Văn C, bị cáo Cao Minh N1 và bị cáo Phạm Văn T tham gia đá gà trong độ gà thứ 4, trong đó số tiền dùng để đánh bạc của mỗi bị cáo được xác định như sau: bị cáo H1 là 9.500.000 đồng, bị cáo H là 7.600.000 đồng, cáo C và bị cáo N1 là 5.700.000 đồng và bị cáo T là 7.400.000 đồng;

[1.3.4] Các bị cáo Trần Hoàng P, Trần Văn B tham gia đá gà trong độ gà thứ 5, trong đó xác định số tiền dùng để đánh bạc của bị cáo P là 8.000.000 đồng và của bị cáo Trần Văn B là 11.600.000 đồng. Trong độ gà thứ 5 này bị cáo Nguyễn Phát L là người băng cựa thả gà giúp bị cáo B.

[1.4] Như vậy, tại thời điểm Công an bắt quả tang, tại trường gà do N9 và đồng phạm tổ chức có trên 10 người đang tham gia đá gà ăn tiền và trong đó có độ gà tổng số tiền dùng để đánh bạc trong cùng một lần trên 20.000.000 đồng.

[2] Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn N9, Lê Tấn T12, Võ Thành Đ1, Trần Văn T13 và Nguyễn Huỳnh Minh T14 cùng về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xét xử các bị cáo Nguyễn Văn M, Trương Văn H8 về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xét xử các bị cáo Trần Hữu N, Trần Hoàng P, Nguyễn Hồng P1, Trần Văn B, Lê Hữu H, Lê Văn H1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phát L, Cao Minh N1 và Phạm Văn T cùng về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3] Ngày 22 tháng 5 năm 2023, bị cáo Nguyễn Hồng P1; các bị cáo Trần Hữu N, Lê Hữu H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thanh S có đơn kháng cáo; ngày 23 tháng 5 năm 2023, bị cáo Cao Minh N1 có đơn kháng cáo; ngày 26 tháng 5 năm 2023, bị cáo Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo; ngày 29 tháng 5 năm 2023, các bị cáo Nguyễn Phát L, Trần Hoàng P, Lê Văn H1, Trần Văn B có đơn kháng cáo; ngày 30 tháng 5 năm 2023, bị cáo Phạm Văn T có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[4] Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội và là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác nên cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm đảm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Nhưng khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử còn xem xét đến vai trò, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo.

[4.1] Về vai trò của các bị cáo:

[4.1.1] Trong nhóm các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, bị cáo N9 là người khởi xướng, cầm đầu, tìm địa điểm tổ chức và làm trọng tài, hưởng tiền xâu 6 phần, các bị cáo T12, Đ1, T13 và T14 được bị cáo N9 rủ rê, lôi kéo tham gia làm biện, thả gà, băng keo, cân gà, phục vụ nước uống cho các con bạc và giữ tiền xâu. Do đó, bị cáo N9 là người giữ vai trò là người thực hành và cao hơn các bị cáo còn lại trong nhóm; các bị cáo T12, Đ1, T24 và T14 là người giúp sức tích cực cho bị cáo N9.

[4.1.2] Đối với các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà từng bị cáo đã thực hiện, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Văn M tham gia đánh bạc độ gà thứ 2 với số tiền dùng để đánh bạc được xác định là 50.000.000 đồng và độ thứ 4 với số tiền dùng để đánh bạc được xác định là 19.000.000 đồng; bị cáo Trương Văn H8 là người giúp sức cho M trong việc băng cựa, thả gà trong độ gà thứ 2; bị cáo Trần Hữu N tham gia đánh bạc trong độ gà thứ 3 với số tiền đánh bạc xác định là 12.000.000 đồng và trong độ gà thứ 5 là 8.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thanh S tham gia đánh bạc trong độ gà thứ 3 với số tiền dùng để đánh bạc là 5.600.000 đồng; bị cáo Lê Văn H1, Lê Hữu H, Nguyễn Văn C, Cao Minh N1 và Phạm Văn T tham gia đánh bạc trong độ gà thứ 4, trong đó số tiền dùng để đánh bạc của H1 là 9.500.000 đồng, của bị cáo H là 7.600.000 đồng, của bị cáo C và bị cáo N1 là 5.700.000 đồng, của bị cáo T là 7.400.000 đồng; các bị cáo Trần Hoàng P, Trần Văn B tham gia đánh bạc trong độ gà thứ 5, trong đó số tiền dùng để đánh bạc của bị cáo P là 8.000.000 đồng và của bị cáo B là 11.600.000 đồng; bị cáo Nguyễn Phát L là người băng cựa thả gà giúp bị cáo B trong độ gà thứ 5.

- Đối với các bị cáo Trần Hữu N, Trần Hoàng P, Nguyễn Hồng P1, Trần Văn B, Lê Hữu H, Lê Văn H1, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phát L, Cao Minh N1 và Phạm Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong đó, các bị cáo N, P, P1, B, H, H1, S, C, N1 và T là người thực hành, trực tiếp đánh bạc. Riêng bị cáo L là người giúp sức cho bị cáo B trong độ gà thứ 5 và bị cáo P1 là người giúp sức cho bị cáo N trong độ gà thứ 3 và độ gà thứ 5 nên cần áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi lượng hình đối với các bị cáo L, P1.

[4.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các bị cáo N9, T12, Đ1, T13, T14 đã tổ chức đá gà được 05 độ đá gà ăn tiền với số tiền mỗi độ đều trên 5.000.000 đồng; bị cáo M đã tham gia đá 02 độ gà (độ thứ 02 và độ thứ 04 với số tiền mỗi độ trên 5.000.000 đồng), bị cáo N cũng tham gia đá 02 độ gà (độ thứ 03 và độ thứ 05 với số tiền mỗi độ trên 5.000.000 đồng), bị cáo P1 băng cựa gà, thả gà giúp cho bị cáo N ở độ gà thứ 3 và thứ 5. Do đó, các bị cáo N9, T12, Đ1, T13, T14, N, M và P1 phải bị áp dụng

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn xác định bị cáo P1 có 01 tiền án nên lần phạm tội này bị cáo P1 thuộc trường hợp “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.3] Tình tiết giảm nhẹ: Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các bị cáo thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo là thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt pháp luật tại địa phương; bị cáo H, bị cáo H1 hiện đã lớn tuổi, đang điều trị bệnh (bị cáo H bị thoát vị đĩa đệm, bị cáo H1 bị bệnh tim mạch). Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm đã cho các bị cáo nêu trên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra các bị cáo P, B, H1, H8, S, C, L, N1 và T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Tòa án cấp sơ thẩm cũng cho các bị cáo P, B, H1, H8, S, C, L, N1 và T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.4] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo N9, T12, T14, H, H1, Mãi có nhân thân xấu, cụ thể:

- Bị cáo N9: Ngày 09/5/2003, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo Bản án số 103/HSST;

- Bị cáo T12: Ngày 05/02/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, theo Bản án số 21/2015/HSST;

- Bị cáo T14: Ngày 06/4/2012, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo Bản án số 376/2012/HSPT;

- Đối với bị cáo H: Ngày 26/9/2003, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Đánh bạc”, theo Bản án số 70/HSPT;

- Bị cáo H1: Ngày 09/8/2017, bị Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép”, theo Quyết định số 7460/QĐ-XPHC;

- Bị cáo Mãi: Ngày 25/7/2008, bị Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép”, theo Quyết định số 10773. Ngày 11/6/2009, bị Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 350.000 đồng về hành vi “Tụ tập đông người gây mất an ninh trật tự”, theo Quyết định số 14306.

[4.5] Với hành vi, vai trò, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo N9 03 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo T12, bị cáo T14 mỗi bị cáo 03 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo T13, bị cáo Đ1 mỗi bị cáo 02 năm 09 tháng tù cùng về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo M 03 năm tù về tội “Đánh bạc”; bị cáo H8 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; các bị cáo N, S, P1, B, T mỗi bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”; các bị cáo P, C, L, M3 mỗi bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”; các bị cáo H, H1 mỗi bị cáo 01 năm tù về tội “Đánh bạc”.

[5] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo N cung cấp tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có cậu ruột Đỗ Ngọc L4 là liệt sỹ và có con là trẻ Trần Trung T25 (sinh năm 2012) có khó khăn về phát triển tâm lý, hiện đang là học sinh tại trung tâm T27; Bị cáo L có con là trẻ Nguyễn Ngọc A1 (sinh năm 2009) bị khuyết tật nghe nói đặc biệt nặng; bị cáo P hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại đơn vị Kho K99, Cục K2, Binh chủng Thông tin liên lạc; bị cáo M có đóng góp, hỗ trợ lương thực, thực phẩm cho địa phương trong quá trình thực hiện phòng chống dịch Covid-19, được ủy ban Mặt trận tổ quốc xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận; các bị cáo H, C, M3, H1, M, S, P1, L, B, N đã tự nguyện nộp số tiền xử phạt bổ sung của bản án sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo H1 là người không biết chữ, các bị cáo H, C, M có trình độ học vấn thấp (bị cáo H, C lớp 02/12, bị cáo M lớp 5/12), nên cũng cho các bị cáo H1, H, C, M, S, P, P1, N, L, B được hưởng các tình tiết nêu trên là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Đối với bị cáo P1: Ngày 23/9/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 286/2011/HSST (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/8/2012). Kết quả xác minh thi hành án dân sự tại văn bản số 1519/CCTHADS ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Đối với khoản bồi thường cho bà Ngô Kim T26 số tiền 6.750.000 đồng và lãi chậm thi hành án theo quy định, qua kiểm tra hồ sơ đến nay chưa thụ lý đơn yêu cầu thi hành án của các đương sự; đối với khoản án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 337.500 đồng, chi cục Thi hành án Quận 8 đã có quyết định ủy thác thi hành án số: 94/QĐ-CCTHA ngày 02/3/2012, ủy thác cho chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thi hành. Kết quả xác minh tại chi cục Thi hành án huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện tại văn bản số 1966/CCTHADS ngày 06/7/2022 xác định chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh chưa nhận được Quyết định ủy thác số 94/QĐ-CCTHADS ngày 02/3/2012 của chi cục thi hành án dân sự Quận 8 để thi hành các khoản trên. Như vậy, tính đến thời điểm bị cáo thực hiện tội phạm mới (ngày 15/01/2022), Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền chưa

có quyết định thi hành án đối với phần dân sự và án phí của bị cáo P1 tại bản án số 286/2011/HSST ngày 23/9/2011, của Tòa án nhân dân Quận 8 và thời hiệu thi hành bản án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã hết, nên căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo P1 thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích, nên lần phạm tội này không thuộc trường hợp “tái phạm”. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo P1. Tuy vậy, thực tế vào ngày 14/8/2023, bị cáo P1 vẫn nộp 537.000 đồng của bản án 286 nêu trên theo biên lai thu số 0003202 ngày 14/8/2023 (Thể hiện tại văn bản 2198/CV-CCTHADS ngày 14/8/2023 của chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh) và việc bị cáo nộp tiền nêu trên thể hiện sự chấp hành pháp luật của bị cáo đối với bản án 286, chứ không làm căn cứ để xác định “tái phạm” đối với bị cáo.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không xuất trình thêm tài liệu nào, nhưng với hành vi phạm tội, vai trò, tính chất, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy như sau:

[7.1] Đối với bị cáo Trần Hữu N có một tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ đã nêu trên, nhưng bản thân bị cáo là chủ gà nên mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[7.2] Đối với bị cáo Trần Hoàng P mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu, nhưng bản thân bị cáo cũng là chủ gà nên mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo cũng là phù hợp.

[7.3] Đối với bị cáo Nguyễn Hồng P1, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng, nhưng cấp phúc thẩm chỉ xác định bị cáo có một tình tiết tăng nặng, bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu, bị cáo phạm với vai trò là người giúp sức cho bị cáo N, vì thế cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 để lượng hình. Vậy, với mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo P1 có nghiêm khắc, nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo P1.

[7.4] Đối với bị cáo Nguyễn Văn M đã tham gia 02 độ gà (độ gà thứ 02 và độ gà thứ 04). Trong độ gà thứ 02, không xác định được lai lịch của chủ gà “Tre Que” và cũng không xác định được những người tham gia đặt cược bên gà “Tre que” nhưng bị cáo M vẫn thể hiện thái độ hợp tác tích cực với cơ quan điều tra để khai báo về số tiền cược đá xỏ, đá giao hữu, đá xáo thể hiện tại bản tự khai ngày 15/01/2022 (bút lục 1086-1087), biên bản ghi lời khai ngày 15, 18/01/2022 (bút lục 1084-1085, 1088-1089), biên bản hỏi cung bị can, bản tường trình ngày 05/6/2022 (bút lục 1078-1083). Qua đó, giúp Cơ quan tố tụng xác định được số tiền dùng đánh bạc trong độ gà thứ 2 mà bị cáo và bị cáo H8 tham gia là 50.000.000 đồng, từ đó nhanh chóng xác định hành vi đánh bạc của 02 bị cáo

thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, ngoài việc cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự thì cũng cần xem xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện và điều tra tội phạm” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, mặc dù, bị cáo M có một tình tiết tăng nặng, nhân thân đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính (2008, 2009), nhưng bản thân bị cáo lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đã nêu trên ở nên, Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Điều này cũng phù hợp với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[7.5] Đối với các bị cáo B, S, C, M3, T và L không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên (điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015), bản thân các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Riêng đối với bị cáo H tham gia đánh bạc tại độ gà thứ 4 với số tiền dùng đánh bạc là 7.400.000 đồng (trong đó số tiền mà bị cáo đánh bạc là 4.000.000 đồng) và bị cáo H1 tham gia đánh bạc tại độ gà thứ 4 với số tiền dùng đánh bạc là 9.500.000 đồng (trong đó, số tiền mà bị cáo đánh bạc là 5.000.000 đồng). Mặc dù trong quá khứ bị cáo H, bị cáo H1 đã bị xử phạt nhưng đến nay đã lâu (19 năm đối với bị cáo H14; 06 năm đối với bị cáo H1), trong vụ án này các bị cáo H, H1 không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân 02 bị cáo này đã trên 60 tuổi (bị cáo H sinh năm 1956; bị cáo H1 sinh năm 1958), nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng cân nhắc không cần cách ly bị các cáo H, H1 ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đã đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa. Những điều nêu trên phù hợp với nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội theo điểm d, đ khoản 1 Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015 và cũng phù hợp với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

[8] Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo Trần Hữu N, Trần Hoàng P; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng P1; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu H, Lê Văn H1, Trần Văn B, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phát L, Cao Minh N1, Phạm Văn T và sửa bản án sơ thẩm.

[9] Trong vụ án này có bị cáo H14, bị cáo H1 đã lớn tuổi (trên 60 tuổi), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tuyên phạt bổ sung là phạt tiền đối với 02 bị cáo này. Tuy vậy, trên thực tế bị cáo H, bị cáo H1 cũng tự nguyện nộp số tiền xử

phạt bổ sung mà không có thắc mắc khiếu nại gì, nên Tòa án cấp phúc thẩm không xét.

[10] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo H, C, M3, S, H1, M, L, B, P1, N đã tự nguyện nộp số tiền xử phạt bổ sung, nên để thuận lợi cho việc thi hành án cần cản trừ số tiền xử phạt bổ sung vào số tiền mà các bị cáo đã nộp.

[11] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo H14, bị cáo H1 đã lớn tuổi (trên 60 tuổi), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tuyên các bị cáo này phải chịu án phí, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H, bị cáo H1 vẫn đồng ý nộp án phí hình sự sơ thẩm mà không thắc mắc, hay xin miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Hữu N, Trần Hoàng P phải chịu 200.000 đồng; Các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng P1; Lê Hữu H, Lê Văn H1, Trần Văn B, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phát L, Cao Minh N1 và Phạm Văn T không phải chịu.

[12] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị nên đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2021;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hữu N, Trần Hoàng P; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng P1; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hữu H, Lê Văn H1, Trần Văn B, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phát L, Cao Minh N1, Phạm Văn T và sửa bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Hữu N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bổ sung bị cáo Trần Hữu N số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được cản trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0001974 ngày 28/8/2023.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bổ sung bị cáo Trần Hoàng P số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn M số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được cân trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0001969 ngày 24/8/2023.

4. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hồng P1 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được cân trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0001975 ngày 28/8/2023.

5. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Hữu H 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung bị cáo Lê Hữu H số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được cân trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0001930 ngày 18/8/2023.

6. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường D2, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung bị cáo Lê Văn H1 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được cản trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0001953 ngày 23/8/2023.

7. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung bị cáo Trần Văn B số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được cản trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0001964 ngày 24/8/2023.

8. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 01 (một) năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thanh S số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được cản trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0001961 ngày 23/8/2023.

9. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

10. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn C số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được cản trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/00001934 ngày 21/8/2023.

11. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Cao Minh N1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung bị cáo Cao Minh N1 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được cản trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0001931 ngày 18/8/2023.

12. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phát L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Phát L số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được cản trừ vào số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0001963 ngày 24/8/2023.

Trường hợp người được hưởng án treo nêu trên thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

13. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Hữu N, bị cáo Trần Hoàng P, mỗi bị cáo phải chịu án phí là: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng P1; Lê Hữu H, Lê Văn H1, Trần Văn B, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn C, Nguyễn Phát L, Cao Minh N1 và Phạm Văn T không phải chịu án phí.

14. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo được hưởng án treo)

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện Bình Chánh; (2)
- PV06 - CATP; (1)
- Bị cáo; (12)
- THADS huyện Bình Chánh; (1)
- TAND huyện Bình Chánh; (2)
- Công an huyện Bình Chánh; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (12)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (40) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng



